

NAM A BANK

NAM A BANK – HỘI SỞ

201-203 Cách Mạng Tháng Tám, P. Bàn Cờ, TP. HCM

[T] 028 3929 6699 - [F] 028 3929 6688

[Hotline] 1900 6679 - [W] www.namabank.com.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 226./2026/QĐQT-NHNA

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế Công bố thông tin của Ngân hàng TMCP Nam Á

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP NAM Á

Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Nam Á đã được sửa đổi, bổ sung và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25/07/2026;

Căn cứ Quy chế cơ cấu tổ chức, quản lý và điều hành của Ngân hàng TMCP Nam Á ban hành theo Quyết định số 1642/2024/QĐQT-NHNA ngày 28/10/2024 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Nam Á và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Nghị quyết 227/2026/NQQT-NHNA ngày 20/10/2026 của Hội đồng quản trị về việc thống nhất ban hành Quy chế Công bố thông tin của Ngân hàng TMCP Nam Á;

Căn cứ tình hình thực tế tại Ngân hàng TMCP Nam Á,

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Ban hành “Quy chế Công bố thông tin của Ngân hàng TMCP Nam Á”.
- Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20/10/2026 và thay thế Quyết định số 569/2021/QĐQT-NHNA ngày 20/10/2021 của Hội đồng quản trị về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin của Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Điều 3.** Các Ông (Bà) thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Giám đốc Khối, Ban Giám đốc Khu vực, Trưởng Phòng (Ban)/Văn phòng/Trung tâm/Chi nhánh/Phòng Giao dịch/Văn phòng Đại diện/Văn phòng Khu vực/Công ty con của Ngân hàng TMCP Nam Á và các Cán bộ nhân viên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- HDQT, BKS (để báo cáo);
- CBNV Nam A Bank;
- Lưu: VP.HDQT, P.HCQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Ngô Phúc Vũ



QUY CHẾ

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NGÂN HÀNG TMCP NAM Á

(Ban hành kèm theo Quyết định số 226/2026/QĐQT-NHNA ngày 20/10/2026 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Nam Á)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định về nghĩa vụ, nguyên tắc, nội dung, phương thức công bố thông tin có liên quan đến sở hữu, quản trị, điều hành, hoạt động của Ngân hàng TMCP Nam Á (“Nam A Bank”) theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được áp dụng thống nhất trên toàn hệ thống của Nam A Bank (bao gồm người nội bộ của Nam A Bank theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu và/hoặc viết tắt như sau:

- Ban Điều hành:** Bao gồm Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và các thành viên khác do Tổng giám đốc quyết định trong từng thời kỳ.
- UBCKNN:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- SGDCK:** Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.
- NHNN:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- VSDC:** Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
- Người nội bộ của Nam A Bank (Người nội bộ):** Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính (Giám đốc Khối Tài chính), Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát; thư ký công ty (nếu có), người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.
- Người có liên quan của Nam A Bank và Người nội bộ của Nam A Bank):** Là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau, trong các trường hợp sau đây:
 - Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó.
 - Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó.

- 7.3 Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát.
- 7.4 Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó.
- 7.5 Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia.
- 7.6 Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
8. **Ngày công bố thông tin:** Là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán và tại khoản 1 Điều 5 Quy chế này.
9. **Ngày báo cáo:** Là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK hoặc ngày UBCKNN, SGDCK nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.
10. **Ngày thực hiện giao dịch chứng khoán** được xác định như sau:
- 10.1. Là ngày đặt lệnh giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua SGDCK.
- 10.2. Là ngày đăng ký thực hiện giao dịch quyền mua, đăng ký thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu trong trường hợp thực hiện quyền mua, quyền chuyển đổi trái phiếu.
- 10.3. Là ngày các bên đề nghị chuyển quyền sở hữu chứng khoán trong trường hợp giao dịch thực hiện qua VSDC.
- 10.4. Là ngày nộp phiếu tham dự đấu giá trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá.
- 10.5. Là ngày các bên đề nghị chuyển nhượng tại tổ chức phát hành trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua VSDC và không thực hiện qua SGDCK.
11. **Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán** được xác định như sau:
- 11.1. Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua SGDCK.
- 11.2. Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện quyền mua.
- 11.3. Là ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo thông báo của tổ chức phát hành.
- 11.4. Là ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại VSDC trong trường hợp giao dịch thực hiện qua VSDC.

- 11.5. Là ngày kết thúc việc thanh toán tiền mua cổ phần theo thông báo của tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá.
- 11.6. Là ngày tổ chức phát hành xác nhận hiệu lực của việc chuyển nhượng chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua VSDC và không thực hiện qua SGDCK.
12. **Trang thông tin điện tử (website) của Nam A Bank:** Là trang thông tin chính thức của Nam A Bank tại địa chỉ <https://www.namabank.com.vn> hoặc một tập hợp trang thông tin trên môi trường mạng Internet phục vụ cho việc cung cấp, trao đổi thông tin của Nam A Bank.
13. **Hệ thống công bố thông tin trên thị trường chứng khoán:** Là hệ thống của UBCKNN, SGDCK để thực hiện báo cáo và công bố thông tin bằng hình thức điện tử theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cách thức báo cáo, công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK thực hiện theo hướng dẫn của các cơ quan này.

Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Nam A Bank thực hiện công bố thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật. Việc công bố thông tin phải do người đại diện theo pháp luật của Nam A Bank hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Người thực hiện công bố thông tin là người có thẩm quyền phê duyệt nội dung, phương thức và các vấn đề có liên quan đến việc công bố thông tin.
2. Căn cứ vào tình hình thực tế hoạt động kinh doanh, Nam A Bank có thể tiến hành các hoạt động truyền thông, phát ngôn khác (là những thông tin không bắt buộc phải công bố theo quy định pháp luật) nhằm mục tiêu quảng bá hình ảnh, sản phẩm dịch vụ hoặc gia tăng mức độ nhận diện thương hiệu với các nội dung, hình thức phù hợp với các quy định pháp luật trong từng thời kỳ. Người được ủy quyền công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đồng thời là người được ủy quyền truyền thông, phát ngôn của Nam A Bank.
3. Đối tượng công bố thông tin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
4. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Giấy tờ tùy thân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý. Việc công bố, cung cấp thông tin cá nhân thực hiện theo quy định pháp luật về chứng khoán, bảo vệ dữ liệu cá nhân và pháp luật có liên quan. Đối với thông

tin pháp luật không yêu cầu công khai, Nam A Bank chỉ công khai khi có căn cứ xử lý dữ liệu hợp pháp theo quy định.

5. Khi công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Nam A Bank thực hiện báo cáo, công bố trên các hệ thống và phương tiện theo quy định của pháp luật chứng khoán, quy định của UBCKNN và SGDCK. Trường hợp pháp luật yêu cầu gửi đồng thời cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) thì thực hiện theo quy định tương ứng. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 4 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện công bố thông tin.
6. Việc công bố thông tin được thực hiện nhằm đảm bảo cơ quan quản lý nhà nước kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh của Nam A Bank, đồng thời bảo đảm nhà đầu tư được tiếp cận thông tin công bằng, minh bạch. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm. Nam A Bank thực hiện công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Thông tin công bố bằng tiếng Anh phải bảo đảm thống nhất với nội dung thông tin công bố bằng tiếng Việt. Trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì thông tin bằng tiếng Việt được áp dụng.
7. Nam A Bank có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định sau:
 - 7.1 Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Nam A Bank tối thiểu là 05 năm.
 - 7.2 Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Nam A Bank tối thiểu là 05 năm.

Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin

1. Nam A Bank thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền công bố thông tin. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin của Nam A Bank có trách nhiệm: (i) công bố các thông tin của ngân hàng với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ Nam A Bank, (ii) công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông liên hệ.
2. Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của

Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban Điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm công bố thông tin.

3. Nam A Bank phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin cho UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện công bố thông tin bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin, Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định. Việc đăng ký, cập nhật, thay đổi thông tin của người phụ trách thực hiện công bố thông tin qua hệ thống của UBCKNN, SGDCK được thực hiện theo quy chế hướng dẫn sử dụng hệ thống thông tin của UBCKNN, SGDCK và các quy định sửa đổi, bổ sung liên quan trong từng thời kỳ.
4. Người nội bộ có thể tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của mình trên thị trường chứng khoán hoặc ủy quyền cho 01 tổ chức hoặc 01 cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo đúng quy định và phải chịu trách nhiệm về thông tin được công bố.

Điều 5. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin

1. Các phương tiện báo cáo, công bố thông tin bao gồm:
 - 1.1. Trang thông tin điện tử (website) của Nam A Bank.
 - 1.2. Hệ thống công bố thông tin/trang thông tin điện tử của UBCKNN, SGDCK, VSDC.
 - 1.3. Phương tiện thông tin đại chúng khác (báo in, báo điện tử,...) hoặc hình thức công bố thông tin khác phù hợp quy định pháp luật trong từng thời kỳ.
2. Nam A Bank lập trang thông tin điện tử theo quy định như sau:
 - 2.1. Lập trang thông tin điện tử, báo cáo với UBCKNN, SGDCK và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử cùng mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này.
 - 2.2. Trang thông tin điện tử phải có các nội dung: (i) về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; (ii) chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ, Quy chế công bố thông tin, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Bản cáo bạch (nếu có); (iii) các thông tin công bố định kỳ (bao gồm cả Báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát), bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật có

2315 -
HÀNG
CỔ PHẦN
MÁ
HỒ CHÍ



liên quan; (iv) sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.

2.3. Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

3. Đối với việc báo cáo, công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Nam A Bank phải thực hiện báo cáo, công bố trên các phương tiện quy định tại điểm 1.1, 1.2 khoản 1 Điều này.
4. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Nam A Bank thực hiện công bố thông tin trên phương tiện quy định tại điểm 1.1 khoản 1 Điều này và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau của ngày nghỉ, ngày lễ.
5. Nam A Bank không phải gửi bản giấy để báo cáo UBCKNN, SGDCK trong trường hợp các tài liệu đã được thực hiện công bố trên tất cả các phương tiện báo cáo, công bố theo quy định tại khoản 3 Điều này và đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về văn bản điện tử.

Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Nam A Bank được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp bất khả kháng như: thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác.
2. Nam A Bank phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.
3. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Nam A Bank có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Chương II

CÁC NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mục 1

CÔNG BỐ THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VÀ QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH

Điều 7. Công bố thông tin liên quan đến Giấy phép hoạt động

1. Sau khi được NHNN cấp đổi, bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép, Nam A Bank phải công bố nội dung thay đổi của Giấy phép trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày được NHNN cấp đổi, bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép trên 01 phương tiện truyền thông của NHNN và 01 tờ báo in trong 03 số liên tiếp hoặc trên 01 báo điện tử của Việt Nam.

2. Nam A Bank thực hiện sửa đổi, bổ sung Điều lệ phù hợp với nội dung Giấy phép đã được cấp đổi, bổ sung và gửi NHNN trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 8. Công bố thông tin liên quan đến mạng lưới hoạt động

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc trước ngày dự kiến khai trương hoạt động chi nhánh trong nước, phòng giao dịch hoặc trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày được NHNN chi nhánh Khu vực chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, Nam A Bank thực hiện công bố thông tin sau đây:
 - 1.1. Số, ngày, nội dung chấp thuận tại văn bản chấp thuận của NHNN về thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch.
 - 1.2. Tên, địa điểm, ngày dự kiến khai trương hoạt động hoặc tên, địa điểm cũ, địa điểm mới đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch và thông tin khác (nếu cần thiết).
2. Nam A Bank công bố quyết định của Nam A Bank liên quan đến các trường hợp sau đây trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện:
 - 2.1. Thay đổi tên chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch.
 - 2.2. Chuyển đổi phòng giao dịch thành chi nhánh ở trong nước.
 - 2.3. Chuyển đổi chi nhánh ở trong nước thành phòng giao dịch.
 - 2.4. Thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch nhưng không phát sinh thay đổi địa điểm.
 - 2.5. Thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài.
 - 2.6. Thay đổi tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài trong trường hợp tổ chức lại ngân hàng thương mại.
 - 2.7. Thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch.
3. Nam A Bank công bố các thông tin quy định tại các khoản 1 và khoản 2 Điều này trên trang thông tin điện tử của Nam A Bank, trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch có liên quan của Nam A Bank.
4. Nam A Bank gửi văn bản đề nghị NHNN (Văn phòng NHNN) đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của NHNN, đăng tải trên 01 tờ báo in trong 03 số liên tiếp hoặc trên 01 báo điện tử của Việt Nam đối với các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 9. Công bố thông tin khác về quản trị điều hành

1. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng

năm của Nam A Bank và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

2. Định kỳ tối thiểu 06 tháng một lần theo năm tài chính, Nam A Bank công bố thông tin về tỷ lệ an toàn vốn và các nội dung liên quan, bảo đảm đúng nội dung và thời hạn công bố theo quy định.
3. Ngoài trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp theo quy định, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:
 - 3.1 Các giao dịch giữa Nam A Bank với công ty mà các chủ thể trên là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
 - 3.2 Các giao dịch giữa Nam A Bank với công ty trong đó người có liên quan của các chủ thể trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc cổ đông lớn.

Mục 2

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Điều 10. Công bố báo cáo tài chính

1. Nam A Bank công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo nguyên tắc sau:
 - 1.1. Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.
 - a. Trường hợp Nam A Bank có công ty con thì phải công bố 02 báo cáo: báo cáo tài chính năm của riêng Nam A Bank và báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.
 - b. Trường hợp Nam A Bank là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng phải công bố báo cáo tài chính năm tổng hợp theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.
 - c. Trường hợp Nam A Bank có công ty con, đồng thời là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng, Nam A Bank phải công bố 02 báo cáo: báo cáo tài chính năm tổng hợp và báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.
 - 1.2. Nam A Bank công bố thông tin về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của Nam A Bank trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính.

- 1.3. Nam A Bank phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Nam A Bank công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo nguyên tắc sau:
 - 2.1. Báo cáo tài chính bán niên phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của ngân hàng, được lập theo quy định tại điểm 1.1 khoản 1 Điều này.
 - 2.2. Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Nam A Bank trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần.
 - 2.3. Thời hạn công bố báo cáo tài chính bán niên:
 - a. Nam A Bank công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.
 - b. Trường hợp Nam A Bank có công ty con hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.
3. Nam A Bank công bố báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) theo nguyên tắc sau:
 - 3.1. Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, được lập theo quy định tại điểm 1.1 khoản 1 Điều này.
 - 3.2. Toàn văn báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Nam A Bank trong trường hợp báo cáo tài chính quý được soát xét có kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần.
 - 3.3. Thời hạn công bố báo cáo tài chính quý:
 - a. Nam A Bank công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý; công bố báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.

- b. Trường hợp Nam A Bank có công ty con hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng thì phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.
 - c. Trường hợp Nam A Bank đã thực hiện công bố báo cáo tài chính quý đã được soát xét trong thời hạn quy định của báo cáo tài chính quý thì không phải thực hiện công bố báo cáo tài chính quý.
4. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều này, Nam A Bank đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
- 4.1. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.
 - 4.2. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại.
 - 4.3. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.
5. Trường hợp Nam A Bank có công ty con hoặc đồng thời là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều này trên cơ sở báo cáo tài chính của Nam A Bank hoặc báo cáo tài chính tổng hợp và báo cáo tài chính hợp nhất.

Điều 11. Công bố báo cáo thường niên và báo cáo tình hình quản trị công ty

- 1. Nam A Bank lập báo cáo thường niên và công bố báo cáo này trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.
- 2. Nam A Bank lập báo cáo tình hình quản trị và công bố trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch. Báo cáo này đồng thời được trình bày tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong Báo cáo thường niên của Nam A Bank theo quy định.

Điều 12. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

- 1. Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ Nam A Bank không quy định thời hạn dài hơn, Nam A Bank công bố trên trang thông tin điện tử của Nam A Bank và của UBCKNN, SGDCK về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bao gồm: thông báo mời họp, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp (nếu có), chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
- 2. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có).

3. Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố theo thời hạn quy định tại điểm 1.3 khoản 1 Điều 13 Quy chế này.

Mục 3

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG, THEO YÊU CẦU VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 13. Công bố thông tin bất thường

1. Nam A Bank công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
 - 1.1. Tài khoản của Nam A Bank tại ngân hàng bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại khoản này.
 - 1.2. Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Nam A Bank có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động.
 - 1.3. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Nam A Bank phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.
 - 1.4. Quyết định mua lại cổ phiếu của Nam A Bank hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán.
 - 1.5. Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu.
 - 1.6. Quyết định về việc tổ chức lại ngân hàng (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên, con dấu của Nam A Bank; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Nam A Bank.

- 1.7. Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký.
- 1.8. Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết.
- 1.9. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Nam A Bank với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Nam A Bank.
- 1.10. Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:
- a. Trường hợp Nam A Bank phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm Nam A Bank báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán.
 - b. Trường hợp Nam A Bank mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Nam A Bank báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.
 - c. Trường hợp Nam A Bank mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Nam A Bank hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông, Nam A Bank công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin.
- 1.11. Nam A Bank thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (Nam A Bank cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Nam A Bank). Đồng thời, Nam A Bank gửi cho UBCKNN, SGDCK Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định.
- 1.12. Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Nam A Bank căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp Nam A Bank có công ty con thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất.
- 1.13. Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Nam A Bank, người nội bộ của Nam A Bank; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Nam A Bank.

- 1.14. Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Nam A Bank; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.
- 1.15. Nam A Bank nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.
- 1.16. Trường hợp Nam A Bank nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Nam A Bank, Nam A Bank phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó.
- 1.17. Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Nam A Bank.
- 1.18. Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.
- 1.19. Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ.
- 1.20. Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Nam A Bank tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp Nam A Bank là công ty mẹ).
- 1.21. Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).
2. Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này, Nam A Bank phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).
3. Công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:
 - 3.1 Việc công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại Điều 12 Quy chế này.
 - 3.2 Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, Nam A Bank phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.
4. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.
 - 4.1. Nam A Bank công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm 4.2 khoản 4 Điều này.

- 4.2. Nam A Bank công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.
5. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, Nam A Bank phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 10 Quy chế này.
6. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác: Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Nam A Bank công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

Điều 14. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Trong các trường hợp sau đây, Nam A Bank phải công bố thông tin trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK nơi Nam A Bank niêm yết, đăng ký giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
 - 1.1. Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.
 - 1.2. Có thông tin liên quan đến Nam A Bank ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.
2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Nam A Bank về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 15. Công bố thông tin về các hoạt động khác

1. Nam A Bank thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.
2. Nam A Bank phải công bố thông tin về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài của mình và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của Nam A Bank và hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK, VSDC theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
3. Trường hợp Nam A Bank mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, thì phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

4. Trường hợp Nam A Bank mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Nam A Bank phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

Chương III

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

Điều 16. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Nam A Bank, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Nam A Bank, người có liên quan của người nội bộ

- Việc công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Nam A Bank, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Nam A Bank, người có liên quan của người nội bộ được các đối tượng này thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan.
- Nam A Bank công bố trên trang thông tin điện tử của mình trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các chủ thể được quy định tại Điều này.

Điều 17. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ

- Người nội bộ của Nam A Bank phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCKNN, SGDCK, Nam A Bank khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:
 - 1.1 Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, người nội bộ phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch theo mẫu quy định.
 - 1.2 Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do SGDCK đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCK.
 - 1.3 Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải công bố thông tin theo quy định tại Điều này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm 1.2 khoản 1 Điều này và

thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai.

- 1.4 Người nội bộ không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.
- 1.5 Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định.
- 1.6 Người nội bộ là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 16 Quy chế này thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ.
2. Người nội bộ không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 16 Quy chế này thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 16 Quy chế này.
3. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Nam A Bank hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này.
4. Trường hợp các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên,...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Nam A Bank thực hiện giao dịch chứng khoán của Nam A Bank phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.
5. Việc công bố thông tin giao dịch của người liên quan của người nội bộ được thực hiện theo quy định pháp luật.
6. Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Điều này, Nam A Bank phải công bố trên trang thông tin điện tử của Nam A Bank.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Tổ chức thực hiện

Căn cứ theo chức năng nhiệm vụ, các Đơn vị trên toàn hệ thống có trách nhiệm cung cấp thông tin kịp thời và phối hợp với Người thực hiện công bố thông tin/Người phụ trách

quản trị doanh nghiệp và Đơn vị nghiệp vụ tại Hội sở có chức năng công bố thông tin, truyền thông, phát ngôn, hỗ trợ công tác quản trị doanh nghiệp để thực hiện việc công bố thông tin hoặc truyền thông, phát ngôn theo đúng quy định pháp luật, quy chế này và các quy định nội bộ của Nam A Bank.

Điều 19. Điều khoản thi hành

1. Tổng giám đốc có trách nhiệm ban hành Quy định, Quy trình, Hướng dẫn, Biểu mẫu liên quan để triển khai thực hiện Quy chế này một cách thống nhất tại Nam A Bank.
2. Trong Quy chế này, bất kỳ dẫn chiếu nào đến bất cứ hoặc trình bày từ cơ sở quy định hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc các văn bản pháp luật thay thế chúng. Khi có nội dung nào trong Quy chế này trái hoặc không còn phù hợp với các quy định của pháp luật thì mặc nhiên nội dung đó sẽ không còn hiệu lực, nhưng không ảnh hưởng đến các quy định khác của Quy chế này.
3. Đối với những nội dung trong Quy chế này không còn phù hợp với các quy định của pháp luật được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới sau ngày ban hành Quy chế này thì sẽ áp dụng trực tiếp các quy định pháp luật đó trước khi điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy chế này.
4. Những nội dung liên quan đến việc công bố thông tin chưa được quy định trong Quy chế này sẽ được thực hiện theo các quy định của Nam A Bank, của pháp luật và hướng dẫn có liên quan của NHNN, Bộ Tài chính, UBCKNN, ...
5. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này do Hội đồng quản trị quyết định. ✓

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH ✓



[Handwritten signature]

Trần Ngô Phúc Vũ

Mục lục

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1
Điều 2. Giải thích từ ngữ	1
Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin	3
Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin	4
Điều 5. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin	5
Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin	6
Chương II CÁC NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN	6
Mục 1 CÔNG BỐ THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VÀ QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH	6
Điều 7. Công bố thông tin liên quan đến Giấy phép hoạt động	6
Điều 8. Công bố thông tin liên quan đến mạng lưới hoạt động	7
Điều 9. Công bố thông tin khác về quản trị điều hành	7
Mục 2 CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ	8
Điều 10. Công bố báo cáo tài chính	8
Điều 11. Công bố báo cáo thường niên và báo cáo tình hình quản trị công ty	10
Điều 12. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên	10
Mục 3 CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG, THEO YÊU CẦU VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC	11
Điều 13. Công bố thông tin bất thường	11
Điều 14. Công bố thông tin theo yêu cầu	14
Điều 15. Công bố thông tin về các hoạt động khác	14
Chương III CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC	15
Điều 16. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Nam A Bank, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Nam A Bank, người có liên quan của người nội bộ	15
Điều 17. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ	15
Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	16
Điều 18. Tổ chức thực hiện	16
Điều 19. Điều khoản thi hành	17

PHẦN VĂN BẢN LIÊN QUAN

Văn bản bên ngoài/ văn bản pháp luật áp dụng:

STT	Tên văn bản	Số văn bản	Ngày ban hành	Nơi ban hành
01	Luật các tổ chức tín dụng và Các văn bản sửa đổi, bổ sung	32/2024/QH15	18/01/2024	Quốc hội
02	Luật Chứng khoán và Các văn bản sửa đổi, bổ sung	54/2019/QH14	26/11/2019	Quốc hội
03	Nghị định hướng dẫn Luật Chứng khoán	155/2020/NĐ-CP	31/12/2020	Chính phủ
04	Thông tư quy định việc cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng và Các văn bản sửa đổi, bổ sung	34/2024/TT-NHNN	30/06/2024	NHNN
05	Thông tư quy định về mạng lưới hoạt động của Ngân hàng thương mại	61/2025/TT-NHNN	31/12/2025	NHNN
06	Quy chế sử dụng Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	877/QĐ-UBCK	05/08/2024	UBCKNN
07	Thông tư quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	41/2016/TT-NHNN	30/12/2016	NHNN
08	Thông tư hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán	96/2020/TT-BTC	16/11/2020	Bộ Tài chính
09	Thông tư sửa đổi các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán	68/2024/TT-BTC	18/9/2024	Bộ Tài chính
10	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/9/2024 của	18/2025/TT-BTC	26/04/2025	Bộ Tài chính



	Bộ trưởng Bộ Tài chính			
11	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC và Thông tư số 18/2025/TT-BTC, Thông tư số 120/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC.	08/2026/TT-BTC	03/02/2026	Bộ Tài chính
12	Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con	21/QĐ-SGDVN	21/12/2021	Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
13	Quyết định sửa đổi Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con kèm theo Quyết định 21/QĐ-SGDVN do Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam ban hành	31/QĐ-HĐTV	31/03/2026	Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

Văn bản nội bộ liên quan:

Stt	Tên văn bản	Số văn bản	Ngày ban hành	Loại liên kết	Văn bản căn cứ
01	Quy chế công bố thông tin của Ngân hàng TMCP Nam Á	569/2021/QĐQT-NHNA	20/10/2021	Thay thế cho	-